CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước và Quyết định số 78/2002/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ[1,2].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

---

[1] Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân"

[2] Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối."

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép khác.

3. Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

4. Tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép.

5. Người thụ hưởng là người trong nước được hưởng số ngoại tệ do người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài chuyển từ nước ngoài vào Việt Nam (sau đây gọi là người thụ hưởng).

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

Điều 3. Nguyên tắc cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế

1. Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ chỉ được ủy quyền cho tổ chức tín dụng, không được ủy quyền cho tổ chức kinh tế khác làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ không được uỷ quyền lại việc chi, trả cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng khác.

3. Một tổ chức tín dụng, một tổ chức kinh tế có thể làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho một hoặc nhiều tổ chức tín dụng được phép.

4. Một tổ chức tín dụng chỉ được làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho một tổ chức kinh tế.

5. Trường hợp hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức uỷ quyền hết hiệu lực hoặc bị chấm dứt trước thời hạn, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ phải chấm dứt hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ với tổ chức uỷ quyền đó.

6. Trường hợp hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài hết hiệu lực hoặc bị chấm dứt trước thời hạn, tổ chức kinh tế phải chấm dứt hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ với đối tác nước ngoài đó.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) có trách nhiệm:

a) Chấp thuận hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

b) Chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

c) Thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

d) Thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có trách nhiệm:

a) Chấp thuận hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

b) Chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ;

c) Thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

d) Thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

3. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ (bao gồm trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; đại lý chi, trả ngoại tệ), không phải làm thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Các trường hợp thay đổi, bổ sung

1. Các trường hợp thay đổi, bổ sung liên quan đến các nội dung sau phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước:

a) Đối với tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

(i) Thay đổi tên, địa chỉ tổ chức kinh tế;

(ii) Thay đổi, bổ sung đối tác nước ngoài;

b) Đối với tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ:

(i) Thay đổi tên tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ;

(ii) Bổ sung tổ chức tín dụng được phép ủy quyền đại lý chi, trả ngoại tệ;

c) Đối với tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ:

(i) Thay đổi tên, địa chỉ tổ chức kinh tế;

(ii) Bổ sung tổ chức tín dụng được phép ủy quyền đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Các trường hợp thay đổi, bổ sung liên quan đến các nội dung sau chỉ thực hiện báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này, không phải làm thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận:

a) Đối với tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

(i) Thay đổi, bổ sung, giảm địa điểm chi, trả ngoại tệ;

(ii) Thay đổi, bổ sung, giảm chi nhánh của tổ chức kinh tế nơi thực hiện hoạt động chi, trả ngoại tệ;

(iii) Thay đổi liên quan đến tài khoản chuyên dùng ngoại tệ: thay đổi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để nhận và chi, trả ngoại tệ; bổ sung tài khoản chuyên dùng tương ứng với loại ngoại tệ khác; bổ sung, đóng tài khoản chuyên dùng ngoại tệ nơi có các chi nhánh thực hiện chi, trả ngoại tệ;

b) Đối với tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ: Bổ sung, giảm chi nhánh nơi thực hiện hoạt động chi, trả ngoại tệ;

c) Đối với tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ:

(i) Thay đổi, bổ sung, giảm địa điểm đặt đại lý chi, trả ngoại tệ;

(ii) Bổ sung, giảm chi nhánh nơi thực hiện hoạt động chi, trả ngoại tệ.

3. Định kỳ ngày 10 tháng 1 và ngày 10 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Ngân hàng Nhà nước (đối với Tổng công ty bưu điện Việt Nam) về những thay đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó nêu cụ thể lý do thay đổi, bổ sung (nếu có phát sinh thay đổi, bổ sung).

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này.

Điều 6. Phí chuyển tiền, tỷ giá áp dụng

1. Phí chuyển tiền:

a) Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ thoả thuận với đối tác nước ngoài để hưởng phí dịch vụ chuyển tiền, không thu phí từ người thụ hưởng;

b) Đối với tổ chức tín dụng được phép:

(i) Trường hợp chuyển tiền thông qua tổ chức tín dụng được phép ký kết hợp đồng dịch vụ chuyển tiền với đối tác nước ngoài: Tổ chức tín dụng được phép thỏa thuận với đối tác nước ngoài để hưởng phí dịch vụ chuyển tiền, không thu phí từ người thụ hưởng;

(ii) Trường hợp chuyển tiền thông qua tổ chức tín dụng được phép không thuộc trường hợp nêu tại điểm b (i) khoản này: Tổ chức tín dụng được phép được thu phí dịch vụ từ người thụ hưởng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu phí dịch vụ. Tổ chức tín dụng được phép phải thông báo công khai về phí dịch vụ tại nơi chi, trả ngoại tệ.

2. Tỷ giá chuyển đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam: Trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ có trách nhiệm chi trả bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá phù hợp với quyết định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi.

Điều 7. Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ

1. Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ phải mở 01 (một) tài khoản thanh toán cho từng loại ngoại tệ tại 01 (một) ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên địa bàn nơi đặt trụ sở chính để thực hiện chi, trả ngoại tệ (sau đây gọi là tài khoản chuyên dùng ngoại tệ).

2. Trường hợp tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ thực hiện chi, trả ngoại tệ tại chi nhánh trên địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính, tổ chức kinh tế được mở 01 (một) tài khoản chuyên dùng cho từng loại ngoại tệ tại 01 (một) ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế mở chi nhánh để chi nhánh sử dụng tài khoản này thực hiện chi, trả ngoại tệ trên địa bàn đó.

3. Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các nội dung liên quan đến tài khoản chuyên dùng ngoại tệ bao gồm: số tài khoản, loại ngoại tệ, tên, địa chỉ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi sau đây:

a) Đối với tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế trên địa bàn nơi đặt trụ sở chính:

(i) Nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về;

(ii) Nhận lại ngoại tệ từ tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên địa bàn nơi có các chi nhánh thực hiện chi, trả ngoại tệ chuyển về trong trường hợp không chi trả được cho người thụ hưởng;

(iii) Chi trả cho người thụ hưởng trong nước bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt;

(iv) Chi rút ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ để chi trả cho người thụ hưởng;

(v) Chi chuyển sang tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế trên địa bàn nơi có các chi nhánh thực hiện chi, trả ngoại tệ;

(vi) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép lấy đồng Việt Nam để chi trả cho người thụ hưởng;

(vii)[3] Chi chuyển sang tài khoản ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép làm đại lý chi, trả ngoại tệ để chi, trả cho người thụ hưởng.

b) Đối với tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế trên địa bàn nơi có các chi nhánh thực hiện chi, trả ngoại tệ:

(i) Nhận ngoại tệ chuyển khoản từ tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế nơi đặt trụ sở chính;

(ii) Chi trả cho người thụ hưởng trong nước bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt;

(iii) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép lấy đồng Việt Nam để chi trả cho người thụ hưởng;

(iv) Chi chuyển trả lại vào tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của tổ chức kinh tế mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên địa bàn nơi đặt trụ sở chính trong trường hợp không chi trả được cho người thụ hưởng.

---

[3] Tiết này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Điều 8. Hoạt động của đại lý chi, trả ngoại tệ[4]

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép được nhận ngoại tệ tiền mặt từ tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền. Tổ chức tín dụng được phép làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép khác được nhận ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản từ tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền.

2. Tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ thực hiện chi trả cho người thụ hưởng bằng ngoại tệ tiền mặt hoặc đồng Việt Nam tiền mặt theo tỷ giá do tổ chức ủy quyền quy định.

3. Việc ứng tiền để chi, trả cho người thụ hưởng thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký giữa tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền và tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

Điều 9. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ dịch từ tiếng nước ngoài, tổ chức được lựa chọn nộp tài liệu đã được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam hoặc tài liệu có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức.

2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các giấy tờ bản sao không phải là bản sao có chứng thực, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức thì tổ chức phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ; CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ[5]

Điều 10.[6] ***(được bãi bỏ)***

Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếpnhận và chi, trả ngoại tệ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ, người đại diện và tư cách pháp nhân của các bên;

(ii) Số tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của trụ sở chính tổ chức kinh tế;

(iii) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

(iv) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam (nếu có);

(v) Phí hoa hồng được hưởng;

(vi) Các thoả thuận khác (về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thời hạn của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh và các thoả thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật);

d) Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

---

[5] Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

đ)[7] ***(được bãi bỏ)***

e) Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực.

d)[8] Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) gửi

---

[7] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

[8] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

2.[9] Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.

3.[10] Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổng công ty Bưu điện Việt Nam bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do.

4. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận, văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

a) Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Hợp đồng ký với đối tác nước ngoài hoặc căn cứ vào

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Hợp đồng có thời hạn hiệu lực dài nhất trong trường hợp có nhiều Hợp đồng trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và tối đa không quá 5 (năm) năm kể từ ngày ký;

b) Trường hợp gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, trong thời hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hết thời hạn, tổ chức kinh tế phải nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ; CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ[11]

Điều 13.[12] ***(được bãi bỏ)***

Điều 13a. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ; gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng[13]

1. Tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Tổ chức tín dụng thực hiện gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ khi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin gia hạn và không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 22 Thông tư này trong tối thiểu 04 (bốn) quý từ thời điểm được cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận gia hạn gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ bao gồm:

---

[11] Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[13] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

a) Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền bao gồm những nội dung chính sau: Phương thức chi, trả; mạng lưới chi, trả; tỷ lệ phí hoa hồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

d)[14] ***(được bãi bỏ)***

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung nêu tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền còn hiệu lực.

d)[15] Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều này.

---

[14] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Điều 15. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

1. Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

2.[16] Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.

3.[17] Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổng công ty Bưu điện Việt Nam bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do.

4. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ:

---

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

a) Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền hoặc căn cứ vào Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ có thời hạn hiệu lực dài nhất trong trường hợp có nhiều Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ và tối đa không quá 5 (năm) năm kể từ ngày ký;

b) Trường hợp gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, trong thời hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hết thời hạn, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế phải nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

Chương IV
CÁC TRƯỜNG HỢP TỰ ĐỘNG HẾT HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN CHẤP THUẬN; THU HỒI VĂN BẢN CHẤP THUẬN

Điều 16. Các trường hợp tự động hết hiệu lực

Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ tự động hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế bị chia, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương.

Điều 17. Thu hồi văn bản chấp thuận

1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp văn bản chấp thuận;

b) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh số chi trả trong 12 tháng liên tục;

c) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấm dứt hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hoặc đại lý chi, trả ngoại tệ;

d) Các trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi:

Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng (theo mẫu tại Phụ lục 14, Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức uỷ quyền cho tổ chức làm đại lý

1. Hướng dẫn tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ thực hiện nghiệp vụ chi, trả ngoại tệ. Chấp hành và hướng dẫn tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với hoạt động chi, trả ngoại tệ của đại lý được uỷ quyền. Trường hợp phát hiện đại lý vi phạm các quy định tại hợp đồng đại lý và Thông tư này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, tổ chức uỷ quyền cho tổ chức khác làm đại lý có biện pháp xử lý thích hợp.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ bị chấm dứt trước hạn, tổ chức uỷ quyền phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức làm đại lý đặt trụ sở chính.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ

1. Thực hiện đúng nội dung quy định trong Hợp đồng ủy quyền đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Thực hiện cập nhật sổ sách kế toán, lưu giữ chứng từ phù hợp với quy định hiện hành và phải xuất trình đầy đủ chứng từ liên quan đến hoạt động chi, trả ngoại tệ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ hết hiệu lực hoặc bị chấm dứt trước thời hạn, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước nơi cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

4. Chấp hành nghiêm túc các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ khi thực hiện chuyển khoản hoặc rút ngoại tệ tiền mặt từ tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để chi, trả cho người thụ hưởng trong nước phải xuất trình cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi mở tài khoản các giấy tờ sau:

a) Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (chỉ xuất trình lần đầu);

b) Danh sách người thụ hưởng ghi rõ họ tên,[18] số tiền của từng người thụ hưởng theo từng loại ngoại tệ.

2. Thực hiện cập nhật sổ sách kế toán, lưu giữ chứng từ phù hợp với quy định hiện hành và phải xuất trình đầy đủ chứng từ liên quan đến hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ hết hiệu lực hoặc bị chấm dứt trước thời hạn, tổ chức kinh tế phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước nơi cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

4. Chấp hành đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối:

a) Triển khai thực hiện, hướng dẫn tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế chấp hành nghiêm túc các quy định tại Thông tư này;

b) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận sửa đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký

---

[18] Cụm từ "số Chứng minh nhân dân (hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật)" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

đại lý chi, trả ngoại tệ cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo quy định tại Thông tư này;

c) Làm đầu mối xử lý các vướng mắc liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Triển khai thực hiện, hướng dẫn tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế trên địa bàn chấp hành nghiêm túc các quy định tại Thông tư này;

b) Cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này;

c) Thực hiện chuyển đổi sang văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này;

d) Trường hợp cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu chi, trả ngoại tệ trên địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi tổ chức đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi cấp các văn bản trên gửi 01 (một) bản sao cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức đặt địa điểm chi, trả để phối hợp và theo dõi;

đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ của các tổ chức trên địa bàn (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc phối hợp với Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ của các tổ chức trên địa bàn (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng);

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Chế độ báo cáo

1. Đối với tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ: Hàng quý, chậm nhất ngày 10 của tháng đầu quý sau, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn về số liệu chi, trả ngoại tệ trên địa bàn của quý trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Đối với tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ: Hàng quý, chậm nhất ngày 10 của tháng đầu quý sau, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ trên địa bàn của quý trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp tổ chức kinh tế trực tiếp chi, trả ngoại tệ trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố khác nhau, việc báo cáo thực hiện theo quy định sau:

a) Trụ sở chính của tổ chức kinh tế báo cáo số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi đặt trụ sở chính;

b) Chi nhánh của tổ chức kinh tế báo cáo số liệu chi, trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi đặt chi nhánh.

3. Đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam: Hàng quý, chậm nhất ngày 10 của tháng đầu quý sau, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ của quý trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 16 và Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Đối với tổ chức tín dụng được phép: Báo cáo số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.

5. Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Báo cáo số liệu nhận và chi, trả của các tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;

b) Báo cáo danh sách các tổ chức cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ trên địa bàn:

(i) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn chuyển đổi theo quy định tại Điều 23 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) danh sách các tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và danh sách các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này);

(ii) Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo cập nhật các thay đổi trong danh sách các tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và danh sách các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ trên địa bàn (nếu có) (theo mẫu tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 23. Quy định chuyển đổi

1.[19] Nguyên tắc chuyển đổi:

a) Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ phải thực hiện chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo quy định tại Thông tư này. Quá thời hạn nêu trên, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng không thực hiện chuyển đổi hoặc không được chuyển đổi do không đáp ứng quy định tại điểm c, điểm d khoản này phải chấm dứt hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

b) Trong thời gian thực hiện chuyển đổi, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được tiếp tục thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Các tổ chức kinh tế đã được cấp Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

d) Các tổ chức kinh tế đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ;

đ) Các tổ chức tín dụng đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

2.[20] ***(được bãi bỏ)***

3. Hồ sơ chuyển đổi:

a) Hồ sơ chuyển đổi sang văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm:

---

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[20] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

(i) Đơn đề nghị chuyển đổi (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản gốc Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

(iii) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Hồ sơ chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị chuyển đổi (theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản gốc Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

(iii) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

4. Trình tự, thủ tục chuyển đổi:

a) Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b)[21] Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, chuyển đổi thành văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.

5. Đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

a)[22] Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải thực hiện các thủ tục đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo quy định tại Điều 11, Điều 12

---

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

[22] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Thông tư này khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

b) Trong thời gian thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam được tiếp tục thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ. Quá thời hạn nêu tại điểm a khoản này, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam không thực hiện các thủ tục để được chấp thuận hoặc không được chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ thì phải chấm dứt hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều khoản thi hành[23,24]

---

[23] Điều 5 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 5. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các điều, khoản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Mục 6 Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 8/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Khoản 2 Điều 1, Điều 6 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản;

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này."

[24] Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019"

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

b) Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN7 ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

c) Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN ngày 19/8/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước;

d) Điều 4 và Điều 12 Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

Phụ lục 1

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày....tháng ....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ..../..../....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa (tên tổ chức kinh tế).....và (tên đối tác nước ngoài) .....để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.... xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	**Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ**		
	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

1. Trụ sở chính:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

2. Địa điểm chi trả số... :

Tên ngân hàng mở tài khoản :

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

TỔNG CÔNG TY
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày....tháng ....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức kinh tế: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số....cấp ngày ..../..../....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và (tên đối tác nước ngoài) .....để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

- Các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo danh sách địa điểm đính kèm theo Đơn.

- Các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ theo danh sách tài khoản chuyên dùng ngoại tệ đính kèm theo Đơn.

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số.../2015/TT-NHNN và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

TỔ CHỨC KINH TẾ/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng .....năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Trụ sở tại:

Số điện thoại: Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày...../...../.....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày.....ký giữa (tên tổ chức làm đại lý).....với (tên tổ chức uỷ quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

STT	**Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ**		
	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số..... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày....tháng ....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Trụ sở tại:

Số điện thoại: Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày...../...../.....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày.....ký giữa Tổng công ty Bưu điện Việt Nam với (tên tổ chức uỷ quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt nam xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (danh sách địa điểm được đính kèm theo Đơn).

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số..... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

TỔ CHỨC KINH TẾ/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../
Cơ quan cấp:
Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số.... ngày... tháng...năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1.....
2.....
3.....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

TỔ CHỨC KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng .....năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI VĂN BẢN CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi : Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:
Địa chỉ:
Số điện thoại: Số Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../
Cơ quan cấp:

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm.....của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.... xem xét, chuyển đổi Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày ....cơ quan cấp... thành văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Fax:
4. Nội dung chi tiết về các địa điểm chi, trả ngoại tệ:

STT	**Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ**		
	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
N	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

5. Đối tác nước ngoài: (ghi cụ thể từng đối tác; số, ngày của hợp đồng)
6. Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

a) Trụ sở chính:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

b) Địa điểm chi trả...:

Tên ngân hàng mở tài khoản :

STT	**Loại tài khoản**	**Số tài khoản**
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

TỔ CHỨC KINH TẾ/ **TỔ CHỨC TÍN DỤNG/** **CHI NHÁNH NGÂN** **HÀNG NƯỚC NGOÀI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ....., ngày..... tháng .....năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi : Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Căn cứ Thông tư số.... ngày... tháng...năm.... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.... xem xét, chuyển đổi Giấy xác nhận làm đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày ....cơ quan cấp... thành văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

7. Tên tổ chức:
8. Địa chỉ:
9. Số điện thoại: Fax:
10. Nội dung chi tiết về các địa điểm chi, trả ngoại tệ:

STT	**Tên tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ**		
	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
N	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC **Chi nhánh tỉnh, thành phố...**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	..., ngày...tháng ...năm ....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm....của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương / Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội/Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của (tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều 1

Cho phép..... (tổ chức kinh tế)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

được trực tiếp thực hiện dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài từ nước ngoài chuyển về để chi, trả cho người thụ hưởng ở trong nước theo các nội dung sau:

a) Địa điểm thực hiện hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ:

	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

b) Đối tác nước ngoài : (ghi cụ thể từng đối tác; số, ngày của hợp đồng)

c) Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

c.1. Trụ sở chính:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	**Loại tài khoản**	**Số tài khoản**
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

c.2. Địa điểm chi trả...:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	**Loại tài khoản**	**Số tài khoản**
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

Điều 2. (Tổ chức kinh tế)... phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, các quy định pháp luật có liên quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là ... năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức kinh tế;
- NHNN chi nhánh....
(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi) ;
- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 9

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-NHNN	..., ngày...tháng ...năm ....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-NHNN ngày... tháng...năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Xét đề nghị của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều 1

Cho phép Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

được trực tiếp thực hiện dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài từ nước ngoài chuyển về để chi, trả cho người thụ hưởng ở trong nước theo các nội dung sau :

- Các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo danh sách địa điểm đính kèm Đơn.....
- Các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ theo danh sách tài khoản chuyên dùng ngoại tệ đính kèm Đơn.....
- Đối tác nước ngoài: (ghi cụ thể từng đối tác, số, ngày, tháng của hợp đồng).

Điều 2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, các quy định pháp luật có liên quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là....năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu NHNN.

THỐNG ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 10

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC **Chi nhánh tỉnh, thành phố...** Số: /QĐ-....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ..... ngày.....tháng ....năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số.... ngày... tháng...năm..... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội/Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số....ngày...tháng....năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số..... do (tên cơ quan cấp) .....ngày ... tháng ... năm ...

Số điện thoại: Fax:

Được làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho.... (tên tổ chức ủy quyền) theo hợp đồng đại lý số.... tại các địa điểm sau:

STT	Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	**Địa chỉ**	**Điện thoại, Fax**
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác trụ sở chính)		

Điều 2. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, ...(tổ chức) phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là … năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh….
(nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 11

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-NHNN	..., ngày...tháng ...năm ....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm.....của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Xét đề nghị của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều 1

Cho phép Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

được làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho ... (tên tổ chức uỷ quyền) theo hợp đồng đại lý số ..... tại các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam theo danh sách địa điểm đính kèm Đơn.....

Điều 2. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ và các quy định pháp luật có liên quan; Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là....năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu NHNN.

THỐNG ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 12

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC **Chi nhánh tỉnh, thành phố...** Số: /QĐ-....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ....ngày.... tháng ....năm ....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

(Văn bản chấp thuận lần đầu số..... ngày.....,
Văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn lần... số... ngày...)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương / Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội/Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số.....ngày....tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Quyết định chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số....cấp ngày: ..../....

đã đăng ký thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....
2.....
3.....

Các nội dung khác trong Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi,trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận không tách rời của văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số....ngày....của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố)....

Nơi nhận:
- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh....
(nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 13

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-NHNN	Hà Nội, ngày.... tháng ....năm ....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

(Văn bản chấp thuận lần đầu số..... ngày.....,
Văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn lần... số... ngày...)

THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số.... ngày... tháng...năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tại Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số... ngày....tháng...năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

Cho phép Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

đã đăng ký thay đổi, bổ sung, gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....
2.....
3.....

Các nội dung khác trong Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận không tách rời của văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số....ngày....của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nơi nhận:
- Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu NHNN.

THỐNG ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 14

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-NHNN	*..., ngày...tháng ...năm ....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Quyết định chấp thuận trực tiếp, thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký, thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm ....của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương / Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội/Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thu hồi Quyết định số .... ngày..... tháng... năm... cấp cho (tên tổ chức kinh tế) về việc được trực tiếp; thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc về việc được làm đại lý; thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ). Lý do thu hồi :.....

Điều 2. (Tổ chức)... phải chấm dứt các hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc hoạt động làm đại lý chi, trả ngoại tệ) từ ngày ..... Tất toán và đóng các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại.

Điều 3. Quyết định thu hồi này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức kinh tế;
- Vụ QLNH (để b/c);
- NHNN chi nhánh....
(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả
để phối hợp, theo dõi);
- Tổ chức ủy quyền (để phối hợp)
(trường hợp thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý);
- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 15

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-NHNN	*Hà Nội, ngày.... tháng ....năm ....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Quyết định chấp thuận trực tiếp, thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký, thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng...năm ...của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thu hồi Quyết định số .... ngày..... tháng... năm... cấp cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về việc được trực tiếp; thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc về việc được làm đại lý; thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ). Lý do thu hồi:.....

Điều 2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải chấm dứt các hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc hoạt động làm đại lý chi, trả ngoại tệ) từ ngày ..... Tất toán và đóng các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ tại các ngân hàng được phép.

Điều 3. Quyết định thu hồi này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:	**THỐNG ĐỐC**
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;	*(Ký tên & đóng dấu)*
- Lưu NHNN.	

Phụ lục 16

TÊN TỔ CHỨC.....
ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)

BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐẠI LÝ CHI TRẢ NGOẠI TỆ
CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀM ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ
Quý...năm...

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Đơn vị: Nghìn USD

STT	Tên tổ chức uỷ quyền	Tổng số tiền nhận từ tổ chức ủy quyền trong kỳ (quy USD)*	Chi trả cho người thụ hưởng	
			Bằng ngoại tệ (quy USD)*	Đồng Việt Nam
1				
2				
3				
....				
Tổng				

* Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 17

TÊN TỔ CHỨC.....
ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)

BÁO CÁO SỐ LIỆU NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ
CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ
Quý...năm...

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

1. Biểu 1: Áp dụng cho: (i) tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn; (ii) chi nhánh của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ thông qua chi nhánh trên nhiều địa bàn.

Đơn vị: Nghìn USD

STT	Tên nước chuyển tiền về Việt Nam[1]	Tổng số ngoại tệ nhận[2] (quy USD)[3]	Chi trả cho người thụ hưởng	
			Bằng ngoại tệ (quy USD)[3]	Bằng Đồng Việt Nam
1				
2				
3				
....				
Tổng				

[1] Không áp dụng cho chi nhánh của tổ chức kinh tế.
[2] Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài chuyển về; chi nhánh của tổ chức kinh tế báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ trụ sở chính của tổ chức kinh tế.
[3] Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

2. Biểu 2: Áp dụng cho: (i) trụ sở chính của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ trên nhiều địa bàn; (ii) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Đơn vị: Nghìn USD

	Tên nước chuyển tiền về Việt Nam[1]	**Tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài[1] (quy USD)[2]**	**Số ngoại tệ chuyển cho chi nhánh**	**Chi trả cho người thụ hưởng**	
				Bằng ngoại tệ (quy USD)[2]	**Bằng Đồng Việt Nam**
Trụ sở chính					
Chi nhánh 1					
Chi nhánh 2					
Chi nhánh n					
Tổng					

[1] Áp dụng cho trụ sở chính.
[2] Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 18

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC **Chi nhánh tỉnh, thành phố...** Số:	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ....ngày.... tháng ....năm ....

BÁO CÁO DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC KINH TẾ LÀM ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

1. Danh sách tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

STT	Tên tổ chức kinh tế	Số văn bản chấp thuận	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

2. Danh sách tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ:

STT	Tên tổ chức	Số văn bản chấp thuận	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên & đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
Số: 35 /VBHN-NHNN

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3 (2).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn